

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 107/2017/DS-ST

Ngày: 06/9/2017

V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Mỹ

2. Bà Lý Thị Kim Ngân

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

Ngày 06/9/2017 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2017/TLST-DS ngày 8 tháng 5 năm 2017 về việc “Tranh chấp hui”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2017/QĐST- DS ngày 21/7/2017. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964. (có mặt)

Nơi cư trú: đường Nguyễn Huệ, khu phố 3, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Bảo Q, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Bình An B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 03/7/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2017, bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Do quan hệ hàng xóm, cửa hàng nhà ông Đ gần nhà bà H, vào khoảng thời gian năm 2016 ông Đ có tham gia các dây hụi do bà Nguyễn Mỹ H làm chủ hụi. Cụ thể, ông Đ tham gia các dây hụi sau:

- Dây hụi 2.000.000 đồng khai ngày 05/2/2016, hụi 15 ngày khai một lần, ông tham gia 01 phần đóng cho bà H được 21 kỳ, số tiền đóng được bao nhiêu thì ông không nhớ, mỗi lần khai hụi bà H nói bao nhiêu thì ông đóng bấy nhiêu, bà H có ghi vào sổ của bà H.

- Dây hụi 2.000.000 đồng khai ngày 15/7/2016, hụi khai 15 ngày một lần ông tham gia 01 phần đóng được 11 kỳ, ông cũng không nhớ số tiền đóng cho bà H là bao nhiêu.

- Dây hụi 2.000.000 đồng khai ngày 30/8/2016, ông tham gia một phần đóng được 8 kỳ, ông cũng không nhớ số tiền đã đóng.

Đến ngày 23/12/2016, bà H ngưng hụi, nợ rất nhiều người và hứa sẽ bán nhà trả nợ. Tuy nhiên, bà H không thực hiện việc bán nhà để trả cho ông số nợ trên như đã hứa, ông đã nhiều lần yêu cầu bà H phải hoàn trả cho ông số tiền trên nhưng bà H hẹn nhiều lần mà không trả. Đến 06/01/2017, bà H đã xác nhận còn nợ ông số tiền gốc đã đóng cho các dây hụi là 49.450.000 đồng. Do sổ ghi chép bà H giữ và ông không có ghi sổ sách các lần ông đóng hụi cho bà H nên đến khi vỡ hụi bà H thừa nhận bao nhiêu thì ông chấp nhận vậy.

Ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông số tiền 49.450.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Việc giao dịch hụi giữa ông với bà H, chồng bà H là ông Nguyễn Ngọc C không có liên quan nên ông không yêu cầu ông C phải có trách nhiệm liên đới cùng trả nợ với bà H.

Bị đơn bà Nguyễn Mỹ H ủy quyền anh Nguyễn Bảo Q nhưng anh Q vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện, ông Nguyễn Văn Đ có tham gia giao dịch các dây hụi do bà Nguyễn Mỹ H làm chủ hụi. Đến khoảng tháng 12/2016 thì bà H tuyên bố ngưng hụi và có làm giấy xác nhận chưa hoàn trả cho ông Đ số tiền hụi gốc là 49.450.000 đồng vào ngày 06/01/2017. Bà H không thực hiện đúng thỏa thuận là có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Đ số tiền trên, ông Đ khởi kiện yêu cầu bà H phải hoàn trả số tiền hụi ông đã đóng cho bà H, yêu cầu khởi kiện của ông Đ là tranh chấp hụi được xem xét theo quy định tại Điều 471 Bộ luật

dân sự năm 2015, Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Nguyễn Bảo Q là người đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Mỹ H, anh Quốc đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Bảo Q.

[3] Nội dung tranh chấp: Theo lời khai của ông Nguyễn Văn Đ tại phiên tòa, ông và bà Nguyễn Mỹ H có giao dịch các dây hui, tổng số tiền bà Nguyễn Mỹ H nợ ông là 49.450.000 đồng theo tờ giấy viết tay ngày 06/01/2017.

[4] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H trả số tiền hui còn nợ là 49.450.000 đồng, chứng cứ ông Đ yêu cầu bà H trả số tiền trên là 01 tờ giấy viết tay đề ngày 06/01/2017.

Xét về hình thức, tờ giấy viết tay do ông Đ cung cấp và theo lời khai của ông Đ thì tờ giấy này do bà H viết, Hội đồng xét thấy về hình thức giao dịch của hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 119 Bộ luật dân sự 2015.

Về nội dung, theo lời khai của ông Đ sau nhiều lần ông yêu cầu bà H trả số tiền trên cho ông nhưng bà H không thực hiện thì đến ngày 06/01/2017 bà H với ông đã thỏa thuận bà H xác nhận còn nợ ông số tiền 49.450.000 đồng. Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định giao dịch giữa ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Mỹ H là có thật, nội dung hai bên giao kết không trái với quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự 2015.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ do ông Nguyễn Văn Đ cung cấp cho bà Nguyễn Mỹ H. Nhưng bà H không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở chấp nhận lời khai, và tờ giấy viết tay mà ông Đ cung cấp là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu hợp pháp của ông.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà Nguyễn Mỹ H đã xác nhận các khoản nợ hui và chưa thoái vốn lại cho ông Đ số tiền là 49.450.000 đồng thì phải có nghĩa vụ thanh toán nợ theo quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006.

Ghi nhận ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu tính lãi đối với số tiền hụi bà Nguyễn Mỹ H còn nợ kể từ ngày khởi kiện cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Theo đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 12/7/2017 và tại phiên tòa ông Đ không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc C có trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn Mỹ H trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử không xét đến trách nhiệm liên đới của vợ chồng đối với ông C theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Bà Nguyễn Mỹ H vắng mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất với lời trình bày của ông Đ, bà H phải chịu mọi hậu quả pháp lý của việc vắng mặt.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông Đ được chấp nhận nên ông không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Mỹ H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Số tiền án phí phải nộp là 2.473.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 688 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 117, 119, 471 và 280 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc bà Nguyễn Mỹ H có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền hụi là 49.450.000 đồng (bốn mươi chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Mỹ H phải nộp 2.473.000 đồng (hai triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng)

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 1.236.000 đồng (một triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng) cho ông Nguyễn Văn Đ theo biên lai thu số 0010798 ngày 03/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP B;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Lan

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Mỹ H phải nộp 2.473.000 đồng (hai triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng)

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 1.236.000 đồng (một triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng) cho ông Nguyễn Văn Đ theo biên lai thu số 0010798 ngày 03/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Mỹ

Lý Thị Kim Ngân

Nguyễn Thanh Lan